

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2017/DS-ST
Ngày: 04-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tới, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Tổ 2, khu phố 0, thị trấn T, huyện X, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị B: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 0, thị trấn T, huyện X, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02-3-2017); có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ X, ấp Y, xã Z, huyện X, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ X, ấp Y, xã Z, huyện X, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: khu phố 0, thị trấn T, huyện X, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2017 của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị B và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà B trình bày:

Do quen biết nên bà B cho bà H vay tiền nhiều lần số tiền 3.009.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 23 tháng 9 năm 2016 vay số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 29 tháng 9 năm 2016 vay 03 lần số tiền là 40.000.000 đồng, 20.000.000 đồng và 12.000.000 đồng;

Ngày 03 tháng 10 năm 2016 vay 51.000.000 đồng;

Ngày 08 tháng 10 năm 2016 số tiền vay 40.000.000 đồng;

Ngày 10 tháng 10 năm 2016 số tiền 12.000.000 đồng;

Ngày 14 tháng 10 năm 2016 vay 11.000.000 đồng;

Ngày 23 tháng 10 năm 2016 vay số tiền 15.000.000 đồng;

Ngày 04 tháng 11 năm 2016 vay 99.000.000 đồng;

Ngày 09 tháng 11 năm 2016 vay số tiền 250.000.000 đồng;

Ngày 11 tháng 11 năm 2016 vay 332.000.000 đồng đã trả được 320.000.000 đồng, còn nợ lại 12.000.000 đồng;

Ngày 16 tháng 11 năm 2016 bà H lại tiếp tục vay bà B thêm số tiền 350.000.000 đồng;

Ngày 25 tháng 11 năm 2016 số tiền 500.000.000 đồng;

Cùng ngày 29 tháng 11 năm 2016 vay 02 lần số tiền 515.000.000 đồng;

Ngày 02 tháng 12 năm 2016 vay thêm 330.000.000 đồng;

Cùng ngày 07 tháng 12 năm 2016 vay 02 lần số tiền 742.000.000 đồng.

Tổng cộng 19 lần vay số tiền 3.009.000.000 đồng. Bà H cho rằng số tiền vay 12.000.000 đồng ngày 29 tháng 9 năm 2016 và 12.000.000 đồng ngày 10 tháng 10 năm 2016 vay dùm chị TN và chị TH nên bà B xin rút lại yêu cầu đối với số tiền 24.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, riêng lần vay cuối cùng ngày 07 tháng 12 năm 2016 hẹn trong 5 ngày trả thỏa thuận tính 3.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng tức lãi suất 9%/tháng. Mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng và mua sắm tài sản (đất). Kể từ

ngày vay bà H chưa trả được tiền gốc và tiền lãi nào. Nay bà B yêu cầu bà H và ông T có trách nhiệm hoàn trả cho bà B số tiền vay gốc 2.985.000.000 (hai tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi theo mức quy định của pháp luật theo từng khoảng thời gian vay cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận rằng bà có vay của bà B nhiều lần với số tiền 3.009.000.000 đồng với mục đích là cho người khác vay lại để lấy lãi và chi tiêu sinh hoạt, khi vay bà có làm giấy nợ viết tay và ký tên vào tất cả các giấy nợ đó do bà B giữ. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài chứ không ghi vào trong giấy nợ. Tuy nhiên, bà cho rằng số tiền vay 12.000.000 đồng ngày 29 tháng 9 năm 2016 và 12.000.000 đồng ngày 10 tháng 10 năm 2016 bà vay từ chị TN và chị TH nên không đồng ý trả. Kể từ ngày vay bà đã trả cho bà B nhiều lần tiền gốc, cụ thể bà trả cho bà B 02 lần số tiền 92.000.000 đồng và 01 lần trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L con dâu bà B số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng bà đã trả cho bà B số tiền gốc 292.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh cho việc trả số tiền này. Nay bà xác nhận chỉ còn nợ lại bà B số tiền gốc **2.693.000.000 đồng** và đồng ý tính lãi theo mức quy định của pháp luật là 1%/tháng theo từng khoản tiền vay cho đến khi kết thúc vụ kiện, bà không đồng ý cùng ông T có trách nhiệm cùng trả vì bà cho rằng đây là nợ riêng của bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn - ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà H và ông chung sống từ năm năm 1990 không có đăng ký kết hôn cho đến nay, ông không biết bà H vay tiền của bà B về để làm gì vì khi vay bà H không nói gì với ông, quá trình chung sống ông và bà H sống chung nhà nhưng công việc ai người đó làm, tiền ai làm người đó tự tiêu xài nên việc bà H vay tiền của bà B ông không biết nên không đồng ý cùng bà H hoàn trả số nợ 3.009.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà Năm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Chị là con dâu của bà B, chị không biết bà H là ai, chị cũng không nhận được bất cứ khoản tiền nào của bà H, việc bà H cho rằng đã gửi cho chị 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng để trả cho bà B là hoàn toàn không có. Chị cho rằng, nếu bà H nhờ chị trả cho bà B khoản tiền lớn như vậy thì tại sao không làm giấy tờ gì.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng

trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà B số tiền gốc là 2.985.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Bà N, bà H, ông T và chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N, bà H, ông T và chị L. Tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 4 năm 2017 người đại diện hợp pháp của bà B đã rút lại không yêu cầu ông T có trách nhiệm trả nợ cùng với bà H, nên Tòa án đưa ông T vào tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Thời hiệu khởi kiện: Do giao dịch dân sự được xác lập và thực hiện từ ngày 23 tháng 9 năm 2016 đến ngày 07 tháng 12 năm 2016 nên căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3]. Về nội dung vụ án:

Xét việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa bà B và bà H là có thật được thể hiện qua các “Giấy mượn tiền” do bà H viết và ký tên vào phù hợp với các chứng cứ do người đại diện hợp pháp của bà B cung cấp là các giấy nợ gốc. Bà H thừa nhận có vay tiền của bà B nhiều lần tổng cộng là 3.009.000.000 đồng và đã trả nhiều lần với số tiền 292.000.000 đồng ngoài lời trình bày bà không có chứng cứ gì chứng minh cho việc trả số tiền này. Nay bà H xác định chỉ còn nợ lại bà B số tiền nợ gốc **2.693.000.000 đồng** đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đối với số tiền 200.000.000 đồng bà H cho rằng đã trả cho chị L con dâu bà B, qua đối chất chị L cho rằng chị không biết bà H và cũng không nhận từ bà H khoản tiền nào, số tiền vay 24.000.000 đồng bà đứng ra vay dùm chị TN và chị TH nên bà không có trách nhiệm trả số tiền này cho bà B. Ngày 16 tháng 5 năm 2017 bà B đã có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 24.000.000 đồng mà bà H đứng ra lãnh cho chị TH và chị TN.

Về tiền lãi: Đại diện hợp pháp của bà B và bà H thống nhất áp dụng lãi suất 1%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi kết thúc vụ kiện là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận, cụ thể được tính như sau:

Từ ngày 23 tháng 9 năm 2016 đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 là: 9 tháng 11 ngày
 $\times 1\% \times 10.000.000 \text{ đồng} = 937.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 29 tháng 9 năm 2016 đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 là: 9 tháng 5 ngày $\times$
 $1\% \times 60.000.000 \text{ đồng} = 5.500.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 03 tháng 10 năm 2016 đến 04 tháng 7 năm 2017 là: 9 tháng 1 ngày $\times 1\%$
 $\times 51.000.000 \text{ đồng} = 4.607.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 08 tháng 10 năm 2017 đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 là: 8 tháng 26 ngày
 $\times 1\% \times 40.000.000 \text{ đồng} = 3.547.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 14 tháng 10 năm 2016 đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 là: 8 tháng 20 ngày
 $\times 1\% \times 11.000.000 \text{ đồng} = 953.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 23 tháng 10 năm 2016 đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 là: 8 tháng 11 ngày
 $\times 15 \times 15.000.000 \text{ đồng} = 1.255.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 04 tháng 11 năm 2016 đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 là: 8 tháng $\times 1\% \times$
 $99.000.000 \text{ đồng} = 7.920.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 09 tháng 11 năm 2016 đến 04 tháng 7 năm 2017 là: 7 tháng 25 ngày $\times$
 $1\% \times 250.000.000 \text{ đồng} = 19.584.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 đến 04 tháng 7 năm 2017 là: 7 tháng 23 ngày $\times$
 $1\% \times 12.000.000 \text{ đồng} = 932.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 16 tháng 11 năm 2016 đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 là: 7 tháng 18 ngày
 $\times 1\% \times 350.000.000 \text{ đồng} = 26.606.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 25 tháng 11 năm 2016 đến 04 tháng 7 năm 2017 là: 7 tháng 9 ngày $\times 1\%$
 $\times 500.000.000 \text{ đồng} = 36.503.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 29 tháng 11 năm 2016 đến ngày 04 tháng 7 năm 2017 là: 7 tháng 5 ngày
 $\times 1\% \times 515.000.000 \text{ đồng} = 36.910.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 02 tháng 12 năm 2016 đến 04 tháng 7 năm 2017 là: 7 tháng 02 ngày $\times$
 $1\% \times 330.000.000 \text{ đồng} = 23.320.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 07 tháng 12 năm 2016 đến 04 tháng 7 năm 2017 là: 6 tháng 27 ngày $\times$
 $1\% \times 742.000.000 \text{ đồng} = 51.198.000 \text{ đồng}.$ Tổng cộng tiền lãi là 219.772.000 đồng.

Do đó có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H là có thật và buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà B số tiền gốc 2.985.000.000 đồng và 219.772.000 đồng tiền lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự.

Do bà Nguyễn Thị B đã rút lại yêu cầu giải quyết đối với số tiền vay 12.000.000 đồng được xác lập ngày ngày 29 tháng 9 năm 2016 và 12.000.000 đồng được xác lập vào ngày 10 tháng 10 năm 2016 nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết đối với số tiền này.

[4]. Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 4 năm 2017 người đại diện hợp pháp của bà B đã rút lại yêu cầu khởi kiện với ông T, bà H cũng xác nhận đây là nợ riêng của bà và không đồng ý cùng ông T có trách nhiệm hoàn trả nên không buộc ông T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà H là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền gốc 2.985.000.000 đồng và 219.772.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 3.204.772.000 (ba tỷ hai trăm lẻ bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị B không yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cùng với bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà H còn phải trả cho bà N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự: Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng được xác lập ngày ngày 29 tháng 9 năm 2016 và 12.000.000 (mười hai triệu) đồng được xác lập vào ngày 10 tháng 10 năm 2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bà Nguyễn Thị H chịu 96.095.000 (chín mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà B 46.090.000 (bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003916 ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKS huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N³).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nam